

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HS-ST

Ngày 05-02-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1-QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Tố Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Hưng

Ông Đồng Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân-Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi X Huy-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Bùi Văn Ch, sinh ngày 28-7-1987, tại tỉnh Phú Thọ; nơi thường trú: xóm C, xã L, tỉnh Phú Thọ; nơi ở hiện tại: tổ 9, khu G, phường V, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Mường; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Ph và bà Bùi Thị Ch1; tiền án: ngày 01-6-2012, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15-Phú Thọ) xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 21-12-2012; ngày 02-7-2013, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15-Phú Thọ) xử phạt 24 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06-02-2015, chưa thi hành phần dân sự và án phí; ngày 04-12-2015, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15-Phú Thọ) xử phạt 36 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07-9-2018, chưa thi hành phần dân sự và án phí; ngày 18-02-2020, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15-Phú Thọ) xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28-4-2024; chưa thi hành phần dân sự và án phí; tiền sự: không; nhân thân: ngày 19-4-2005, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15-Phú Thọ) xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội

“Trộm cắp tài sản”; bị tạm giữ ngày 17-10-2025; bị tạm giam ngày 26-10-2025; hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh (có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Mạnh Th, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ 18, khu T4, phường T, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Vũ Văn K, sinh năm 1987; địa chỉ: tổ 1, khu G, phường V, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Anh Nguyễn Hải N và anh Vũ Văn T (vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4-2025, Bùi Văn Ch đến phường T, tỉnh Quảng Ninh làm nghề bốc vác sắt vụn; biết được xưởng thu mua sắt vụn của anh Nguyễn Mạnh Th tại tổ 19, khu T 4, phường T, tỉnh Quảng Ninh có để các bộ giàn giáo ở ngoài, không ai trông coi; Ch nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trên để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Tối ngày 12-10-2025, khi ngồi uống nước tại quán nước ở khu vực ngã ba B, phường V, tỉnh Quảng Ninh, Ch tình cờ gặp các anh X và H (cùng làm nghề bốc vác, không rõ nhân thân, địa chỉ) nên đã hỏi mượn anh X 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu đỏ đen (không rõ BKS) và hỏi mượn anh H 01 chiếc xe bò kéo hai bánh, nhưng không nói cho các X, H biết mượn các tài sản trên để đi trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ ngày 13-10-2025, Ch điều khiển xe mô tô kéo theo xe bò trên đến điểm thu mua sắt vụn của anh Th. Khi đến nơi, Ch để xe mô tô dưới đường, sau đó kéo xe bò đến cạnh vị trí để các bộ giàn giáo, bê 19 thanh chéo giàn giáo, 03 tấm (mâm) và 27 chân giàn giáo đều bằng kim loại lên xe, rồi dùng dây (có sẵn từ trước trên xe bò) buộc chặt lại, kéo ra xe mô tô. Sau đó, Ch chở toàn bộ số giàn giáo trên đến điểm thu mua sắt vụn của anh Vũ Văn K tại tổ 1, khu G, phường V, tỉnh Quảng Ninh. Do cơ sở trên của anh K đóng cửa nên Ch để xe bò cùng các bộ các tài sản trên ở đối diện trước cửa cơ sở rồi điều khiển xe mô tô về phòng trọ ngủ. Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, Ch quay lại gặp anh K, tự nhận là công nhân xây dựng ở công trường, có mấy bộ giàn giáo cũ, không dùng nữa nên muốn bán thanh lý; anh K xem xong và đồng ý mua lại toàn bộ số tài sản trên với giá là: $364\text{kg} \times 7.000 \text{ đồng/kg} = 2.548.000 \text{ đồng}$ (hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Sau đó, Ch đã trả lại chiếc xe mô tô và xe bò kéo cho các anh X, H. Đến sáng ngày 16-10-2025, anh Th và những người làm thuê cho anh Th là các anh Nguyễn Hải N, Vũ Văn T kiểm tra, phát hiện bị mất các tài sản trên, nên anh Th đã đến Công an phường T, tỉnh Quảng Ninh để trình báo sự việc. Đến chiều ngày 16-10-2025, sau khi được Cơ quan Công an thông báo về việc truy tìm tài sản mất trộm, anh K đã tự nguyện giao nộp lại toàn bộ các tài sản mà Ch đã bán lại cho anh để phục vụ

điều tra. Cùng ngày 16-10-2025, Ch đã ra đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên và tự nguyện giao nộp: 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen; 01 chiếc áo phong cổ tròn màu đen, phía trước có ghi chữ Louis Vuitton; 01 quần vải dài màu đen và 01 đôi giày bata màu xám; lời khai của Ch phù hợp với lời khai của các anh Th, K, Nam và T và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan Điều tra đã thu thập được.

Tại kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 17-10-2025, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự của UBND phường T đã kết luận: 27 chiếc chân giày giáo công trình bằng kim loại, 03 tấm kim loại cũ (mâm) và 19 thanh kim loại (thanh chéo giàn giáo) đều đã qua sử dụng, tổng khối lượng là 364kg, trị giá là 2.548.000 đ (*hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Ngày 24-10-2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh (viết tắt: Cơ quan điều tra) đã trả lại anh Th 27 chiếc chân giàn giáo; 03 tấm (mâm) và 19 thanh chéo giàn giáo đều bằng kim loại; anh Th không yêu cầu bị cáo Ch phải bồi thường gì. Anh K yêu cầu bị cáo Ch phải trả lại số tiền 2.548.000 đồng (*hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKSQNH-KV1 ngày 09-01-2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh đã truy tố Bùi Văn Ch về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Ch; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ch từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17-10-2025 về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định, bị cáo cũng không có tài sản riêng nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu tiêu hủy 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen; 01 chiếc áo phong cổ tròn màu đen; 01 quần vải dài màu đen và 01 đôi giày bata màu xám (đều đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo Ch. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn K về việc không yêu cầu bị cáo Ch phải trả lại số tiền là 2.548.000 đồng (*hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Bị cáo Ch thừa nhận việc Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật; bị cáo không tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Ch rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội và làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Ch và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: bị hại Th, các anh K, N và T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy, những người này đã có đầy đủ lời khai, việc họ vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án khách quan, đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh, điều luật áp dụng: lời khai của các bị cáo Ch tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của bị hại Th; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh K; lời khai của những người làm chứng là các anh Nam, T và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: đơn trình báo của bị hại Th; biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm; biên bản kiểm tra và thu giữ vật chứng; bản ảnh vật chứng thu giữ; sơ đồ nơi xảy ra vụ việc; biên bản rà soát, sao lưu dữ liệu camera ghi lại nội dung vụ việc; biên bản khám nghiệm hiện trường; bản ảnh hiện trường; sơ đồ hiện trường; biên bản nhận dạng của anh K; biên bản nhận dạng của bị cáo Ch; bản ảnh mô tả hành vi của Ch và kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 17-10-2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên tuyên trong tố tụng hình sự phường T. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: khoảng 01 giờ ngày 13-10-2025, tại tổ 19, khu T 4, phường T, tỉnh Quảng Ninh, Bùi Văn Ch đã có hành vi lợi dụng sơ hở, lén lút trộm cắp 27 chiếc chân giàn giáo, 03 tấm (mâm) và 19 thanh chéo giàn giáo đều bằng kim loại của anh Nguyễn Mạnh Th trị giá 2.548.000 đồng (*hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) rồi đem bán cho anh Vũ Văn K lấy tiền tiêu cho cá nhân.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Ch là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mà còn tạo ra tâm lý hoang mang, lo lắng cho người khác trong việc bảo vệ tài sản của mình. Bị cáo ở độ tuổi lao động, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do lười lao động, không muốn tìm kiếm việc làm tạo ra thu nhập hợp pháp mà chỉ muốn hưởng thụ thành quả dựa trên công sức lao động của người khác nên bị cáo đã bất chấp pháp luật, lén lút, lợi dụng sơ hở của bị hại để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trước đó, vào các năm 2012, 2013, 2015 và 2020, bị cáo Ch đã từng 04 lần bị Tòa án xét xử về

các tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Nên hành vi lần này của bị cáo Ch đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết tăng nặng định khung là “*Tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 07/CT-VKSQNH-KV1 ngày 09-01-2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Quảng Ninh đã truy tố đối với bị cáo Ch là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bị cáo Ch phạm tội độc lập, không có đồng phạm trong vụ án.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Bị cáo Ch không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi phạm tội, bị cáo Ch đã ra đầu thú; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo Ch có nhân thân xấu. Ngày 19-4-2005, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15-Phú Thọ) xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

[4] Về hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo: sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo Ch, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo Ch ra khỏi xã hội một thời gian nhất định ở mức tối thiểu mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì bị cáo Ch có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*) đến 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, hiện nay bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định; bị cáo cũng không có tài sản riêng; do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với 27 chiếc chân giày giáo bằng kim loại; 03 tấm (mâm) và 19 thanh chéo giày giáo đều bằng kim loại: tại Quyết định xử lý vật chứng số 12839/QĐ-VPCQCSĐT ngày 24-10-2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh đã trả cho bị hại Th, phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị hại Th đã nhận lại đầy đủ tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với 01 chiếc mũ bảo hiểm màu đen; 01 chiếc áo phông cổ tròn màu đen, 01 quần vải dài màu đen và 01 đôi giày bata màu xám (đều đã qua sử dụng): là tài sản cá nhân của bị cáo Ch, bị cáo không nhận lại. Xét thấy, các tài sản trên không có giá trị nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, tịch thu và tiêu hủy là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với chiếc xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ đen (không rõ biển số) bị cáo Ch mượn của người thanh niên tên X và chiếc xe bò kéo hai bánh mà bị cáo Ch mượn của người thanh niên tên H ngày 12-10-2025, bị cáo đã trả lại cho các anh X, H. Mặt khác, Ch khai các anh H và X không biết việc Ch mượn các xe trên đi trộm cắp tài sản. Do đó, không có căn cứ để xử lý.

- Bị hại Th đã được nhận lại các tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo Ch phải bồi thường gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự.

- Đối với số tiền 2.548.000 đồng (*hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) bị cáo Ch có được do bán các tài sản trộm cắp mà có cho anh Vũ Văn K; bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Quá trình điều tra, Anh K yêu cầu bị cáo phải trả lại anh số tiền trên; nhưng tại Tòa án, mặc dù đã được Tòa án giải thích về quyền được đòi lại tài sản bị chiếm đoạt, yêu cầu bồi thường thiệt hại nhưng anh K không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên và cũng không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì; đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của anh. Hội đồng xét xử xét thấy, việc anh K không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ vào Điều 194 Bộ luật Dân sự, ghi nhận sự tự nguyện nêu trên của anh K.

[7] Đối với người thanh niên tên X đã cho bị cáo Ch mượn 01 xe mô tô Yamaha Sirius, màu đỏ đen (không rõ BKS) và người thanh niên tên H đã cho bị cáo Ch mượn 01 chiếc xe bò kéo hai bánh nhưng theo Ch khai không biết Ch mượn các xe trên đi trộm cắp tài sản; quá trình điều tra không xác định được con người cụ thể nên không có căn cứ xử lý.

[8] Đối với anh Vũ Văn K không biết các tài sản mà bị cáo Ch bán cho anh do Ch trộm cắp mà có, không hứa hẹn, thỏa thuận gì với Ch về việc tiêu thụ tài sản trộm cắp. Do đó, không có căn cứ xử lý.

[9] Kiến nghị Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Quảng Ninh đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức bảo vệ tài sản của công dân tại địa phương.

[10] Về án phí: bị cáo Ch là người thuộc đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; có đơn xin miễn án phí; nên bị cáo được Hội đồng xét xử miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo Ch, bị hại Th và anh K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các khoản 1,4 Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: điểm g khoản 2 Điều 173, các điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, và khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn Ch 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17-10-2025 về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Ch.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 194 Bộ luật Dân sự; ghi nhận sự tự nguyện của anh Vũ Văn K về việc không yêu cầu bị cáo Ch trả lại anh K số tiền là 2.548.000 đồng (*hai triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*).

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy 01 (*một*) chiếc mũ bảo hiểm màu đen; 01 (*một*) chiếc áo phông cổ tròn, màu đen, phía trước có ghi chữ Louis Vuitton; 01 (*một*) chiếc quần vải dài, màu đen và 01 (*một*) đôi giày bata, màu xám (đều đã qua sử dụng) thu giữ của bị cáo Ch (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 73/BB-THA/KV1 ngày 09-01-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Quảng Ninh).

Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 và khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Ch được miễn nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: căn cứ vào các khoản 1,4 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo Ch có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Anh K có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- VKSND khu vực 1-Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh Quảng Ninh (PC10);
- Cơ quan THA hình sự;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường T, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Tố Nga